

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 174/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2021/QĐ-ST ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Vũ Thị T1, sinh năm 1981.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Phạm Văn T trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Vũ Thị T1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 2000 tại UBND xã Vĩnh Tuy, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là vợ chồng

không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến to tiếng, cãi nhau. Sau đó, chị T1 đi lao động tại Đài Loan từ năm 2017 đến nay chưa về và cũng không liên lạc với anh T, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị T1 để hai bên ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị T1 có 02 con chung là cháu Phạm Quang H, sinh ngày 15/6/2001 và cháu Phạm Thị Thu T2, sinh ngày 25/2/2003. Các con chung đều đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị T1 tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình chị T1, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị T1. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Trần Thị Lâm là mẹ đẻ của chị Vũ Thị T1. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2021 và 02/8/2021, bà Lâm trình bày: Chị T1 và anh T kết hôn khoảng năm 2000 tại UBND xã Vĩnh Tuy, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, chị T1 đang lao động tại Đài Loan. Chị T1 đã được bà thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Chị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn anh T. Về con chung, chị T1 xác định trong thời kỳ hôn nhân chị và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Quang H, sinh ngày 15/6/2001 và cháu Phạm Thị Thu T2, sinh ngày 25/2/2003. Các con chung đều đã trưởng thành nên chị nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết cả việc ly hôn và tài sản để đảm bảo quyền lợi cho chị. Do chị T1 không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Đài Loan nên bà không thể cung cấp cho Tòa án.

Tòa án đã giải thích cho bà Lâm và yêu cầu chị T1 cung cấp tài liệu, chứng cứ và đơn yêu cầu tranh chấp gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên hết thời gian mà Tòa án yêu cầu, chị T1 vẫn không cung cấp được các giấy tờ liên quan đến tài sản chung.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 17167/QLXNC-P5 ngày 02/8/2021 thể hiện: Chị Vũ Thị T1, sinh ngày 09/11/1981; địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Vĩnh Lại, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, CMND số 142071158 cấp ngày 04/5/1999,

lần gần nhất có thông tin xuất cảnh ngày 04/7/2017 bằng hộ chiếu số C1905537 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Vũ Thị T1; Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn T có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Vũ Thị T1, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T1 vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị T1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 2000 tại UBND xã Vĩnh Tuy, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Sau đó, chị T1 đi lao động tại Đài Loan từ năm 2017 đến nay chưa về và cũng không liên lạc với anh T. Mâu

thần trong quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị T1 cũng được đại diện gia đình chị T1 xác nhận. HĐXX xét thấy hôn nhân của anh T và chị T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh T ly hôn với chị T1 là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh T và chị T1 có 02 con chung là cháu Phạm Quang H, sinh ngày 15/6/2001 và cháu Phạm Thị Thu T2, sinh ngày 25/2/2003. Do các con chung đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Chị T1 xác định vợ chồng có tài sản chung và có quan điểm muốn đề nghị Tòa án giải quyết trong cùng vụ án. Tòa án đã hướng dẫn bà Lâm, chị T1 làm đơn và tài liệu, chứng cứ chứng minh về tài sản chung gửi cho Tòa án để được xem xét nhưng chị T1 không có đơn và không nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Chị T1 có quyền làm đơn khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền để xem xét về tài sản chung và khoản nợ trên khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T. Xử cho anh Phạm Văn T ly hôn chị Vũ Thị T1.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải

Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0007322 ngày 15/7/2021. Anh T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Vĩnh Tuy, huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Tuấn